

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ H
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/DS-ST
Ngày 22/8/2024
(V/v Tranh chấp nợ hụi)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ H - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc Bích

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hoàng và bà Đỗ Kim Phụng

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duy, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp nợ hụi”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Út E, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp Hiệp Đ, xã Long Điền Đ A, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Anh Trần Hoàng Q, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp Hiệp Đ, xã Long Điền Đ A, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu

3/. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp Hiệp Đ, xã Long Điền Đ A, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh E có đơn xét xử vắng mặt, anh Q, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2023 và trong quá trình tố tụng anh Nguyễn Út E trình bày:

Ngày 26/4/2022 âm lịch anh Trần Hoàng Q có tham gia hội do anh làm chủ hội. Loại hội 2.000.000 đồng, hội có 25 chung, mỗi tháng khai 01 lần, anh Q tham gia 01 chung. Ngày 26/10/2022 âm lịch thì anh Q hốt, anh đã giao đủ tiền cho anh Q xong. Sau đó anh Q có đóng hội chết cho anh nhưng đóng không đầy đủ. Đến tháng 4/2024 âm lịch thì hội mãn, tính đến hội mãn anh Q còn nợ tiền hội chết của tôi là 17 kỳ là 34.000.000 đồng. Khi tham gia hội anh có ghi sổ sách theo dõi, có đưa danh sách hội viên cho các tai em giữ. Anh Q là người trực tiếp tham gia hội của anh nhưng vợ anh Q tên Nguyễn Thu T biết và khi anh giao tiền hội thì có cả vợ chồng anh Q. Nay anh yêu cầu vợ chồng anh Q cùng có trách nhiệm trả cho anh số tiền hội là 34.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thu T trình bày: Chị và chồng chị anh Trần Hoàng Q có tham gia hội do anh Nguyễn Út E làm chủ hội, loại hội 2.000.000 đồng, hội 25 chung, mỗi tháng khai 01 lần, sau đó vợ chồng chị đã hốt hội, anh Út Em đã giao đủ tiền cho vợ chồng chị rất đầy đủ. Sau khi hốt hội xong thì vợ chồng chị có đóng hội chết cho em Út Em. Tính đến hội mãn thì vợ chồng chị vẫn còn nợ hội chết của anh Út Em 17 kỳ là 34.000.000 đồng. Hiện nay hội đã mãn. Nay anh Út Em khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả tiền hội thì vợ chồng chị cũng thống nhất và đồng ý trả số tiền hội trên, nhưng hiện nay do làm ăn khó khăn nên xin được trả dần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Xét thấy giao dịch hội giữa anh Út E và anh Q, chị T là hoàn toàn xảy ra trên thực tế. Anh Út E khởi kiện yêu cầu anh Q, chị T giao trả số tiền hội là 34.000.000 đồng. Quá trình làm việc chị T cũng thừa nhận vợ chồng chị có nợ tiền hội của anh Út E nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Út E. Do nợ trong thời kỳ hôn nhân nên cần buộc vợ chồng anh Q, chị T cùng có trách nhiệm trả nợ hội cho anh Út E là 34.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Q và chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Út E khởi kiện tranh chấp nợ hui, bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Đ H. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ H.

Anh Nguyễn Út E có đơn yêu cầu được vắng mặt. Anh Trần Hoàng Q, chị Nguyễn Thu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu được thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Anh Q, chị T có giao dịch hui với anh Út Em là hoàn toàn xảy ra trên thực tế. Tại đơn khởi kiện anh Út E yêu cầu anh Q và chị T trả số tiền 34.000.000 đồng. Chị T cũng thừa nhận có nợ tiền hui của anh Út Em và đồng ý trả nên căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật không cần phải chứng minh. Do đây là nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên cần buộc anh Q và chị T cùng trả. Anh Út E khởi kiện yêu cầu anh Q và chị T cùng trả nợ là hoàn toàn có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Q và chị T có nghĩa vụ nộp số tiền: $34.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.700.000 \text{ đồng}$. Hoàn lại cho anh Út Em tiền tạm ứng án phí 850.000 đồng theo biên lai thu số 0009874 ngày 04/012/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ H.

Quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị định 19/2019/NĐ- CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu phùng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Út E đối với anh Trần Hoàng Q và chị Nguyễn Thu T về tranh chấp nợ hội.

Buộc anh Trần Hoàng Q và chị Trần Thu Tiên có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Út E số tiền hội là 34.000.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu đồng*).

2/. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc anh Trần Hoàng Q và chị Nguyễn Thu T phải nộp 1.700.000 đồng. Hoàn lại cho anh Út Em tiền tạm ứng án phí 850.000 đồng theo biên lai thu số 0009874 ngày 04/01/2024. Các đương sự nộp và nhận Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ H
- Chi cục THADS huyện Đ H
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Thạch Thị Ngọc Bích

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đ H, ngày 31 tháng 5 năm 2022

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay, vào lúc giờ phút ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đ H.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc Bích

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hoàng và ông Nguyễn Văn Tịnh

Tiến hành nghị án vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thụ lý số 42/2022/TLST-DS ngày 28/02/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Phương Linh, sinh năm 1960

Địa chỉ: Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Chị Trần Thị Thu Dung, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp Thành Thường C, xã An Trạch A, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất 3/3, quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu phờng;

Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Phương Linh đối với chị Trần Thị Thu Dung về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hội.

Buộc chị Trần Thị Thu Dung có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị Phương Linh số tiền hội là 57.000.000 đồng, tiền vay là 50.000.000 đồng và lãi suất là 6.640.000 đồng.

3/. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc chị Trần Thị Thu Dung phải nộp 5.682.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào lúc.....giờ.....phút, ngày 31 tháng 5 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa